

- 25-5-2006 - Quyết định số 79/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh. 38
- 26-5-2006 - Quyết định số 80/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy và giải quyết tái hòa nhập cộng đồng cấp thành phố. 49
- 30-5-2006 - Chỉ thị số 19/2006/CT-UBND về Tăng cường các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Lở mồm long móng ở gia súc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 57

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2006/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2006

CHỈ THỊ

VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO, GIẢM NHẸ THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NĂM 2006

Thực hiện Chỉ thị số 13/2006/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, giảm nhẹ thiên tai năm 2006; để chủ động ứng phó kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, các công trình kết cấu hạ tầng, cho các hoạt động kinh tế - xã hội... do bão, lũ, triều cường, thiên tai gây ra, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện :

1. Tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 08/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão (năm 1993) đã được sửa đổi, bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2000; Quyết định số 46/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020 và Quyết định số 307/2005/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ; tiếp tục tăng cường chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai - tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh.

2. Khẩn trương củng cố, kiện toàn tổ chức Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão - tìm kiếm cứu nạn các cấp (03 cấp), kịp thời báo cáo về Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố theo đúng quy định.

Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão các cấp phải nâng cao năng lực, trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra đảm bảo xuyên suốt và thống nhất từ thành phố đến các địa phương,

đơn vị; phải có sự phối hợp chặt chẽ trong chỉ đạo, điều hành nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp để chủ động xử lý, đối phó kịp thời trong mọi tình huống.

Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão các cấp, các ngành, các địa phương, các đơn vị phải thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ được phân công (theo quyết định thành lập Ban hoặc thông báo phân công của cấp có thẩm quyền).

Đối với các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố thực hiện nhiệm vụ được phân công theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Các quận, huyện phải tổ chức Hội nghị tổng kết công tác phòng, chống lụt, bão - tìm kiếm cứu nạn năm 2005 và triển khai kế hoạch năm 2006, hoàn tất trong tháng 6 năm 2006 để kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả lũ, bão, triều cường, công tác tìm kiếm cứu nạn năm 2005 và các năm qua. Trên cơ sở đó rà soát lại các phương án phòng, chống lụt, bão, ứng ngập, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương mình; chuẩn bị các phương án, kế hoạch cụ thể, chủ động, hiệu quả để ứng phó kịp thời với các đợt lũ, bão, triều cường sắp tới, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, tai nạn gây ra. Quá trình tổ chức thực hiện các địa phương phối hợp và lấy ý kiến đóng góp của các sở, ngành, đơn vị có liên quan để hoàn thiện kế hoạch. Các báo cáo tổng kết năm, kế hoạch năm, các kiến nghị đề xuất, các địa phương phải gửi trực tiếp cho đồng chí thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố được giao nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra địa phương mình.

4. Kiểm tra, đánh giá, báo cáo hiện trạng công trình trước mùa mưa lũ hàng năm :

4.1- Các ngành, các đơn vị, các địa phương (quận, huyện, phường, xã, thị trấn) phải tổ chức kiểm tra, đánh giá và báo cáo hiện trạng công trình theo ngành, lĩnh vực hoặc địa phương lên cơ quan quản lý cấp trên. Thời hạn các ngành, quận, huyện gửi báo cáo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố trước tháng 02 hàng năm.

Quận, huyện phải phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý công trình cho phường, xã, thị trấn, đơn vị trực thuộc; tổ chức lực lượng ứng cứu công trình tại địa phương.

4.2- Đối với các khu vực : quận Bình Thạnh, Thủ Đức, quận 7, quận 12, huyện Nhà Bè, Bình Chánh, Hóc Môn có các bờ bao thủy lợi, phòng chống lụt bão, bờ bao thủy sản, các công trình kè sông xung yếu hiện đang thi công hoặc chưa triển khai thi công, các địa phương phải chủ động phối hợp với các chủ đầu tư dự án tổ chức rà soát, kiểm tra, tu bổ, nâng cấp sửa chữa công trình.

4.3- Đối với các khu vực có kho tàng lịch sử, văn hóa, các bến bãi... nằm gần những bờ sông, rạch xung yếu, các địa phương cần có kế hoạch bố trí lực lượng, trang thiết bị, lập phương án và xác định các điểm cần di dời đến để chủ động phòng tránh và đối phó với những tình huống bất lợi có thể xảy ra;

4.5- Đối với các dự án liên quan đến đê bao, công trình thủy lợi, hệ thống tiêu thoát nước (nội-ngoại thành) yêu cầu các cơ quan chủ quản, các chủ đầu tư, các địa phương thực hiện nghiêm túc tiến độ triển khai, thực hiện theo các văn bản phê duyệt, chỉ đạo của Trung ương, thành phố hoặc địa phương. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố chủ trì phối hợp với Sở Tài chính thành phố cân đối ngân sách để triển khai thi công nhanh các công trình trọng điểm, cấp bách đã được phê duyệt.

4.6- Các địa phương cần nghiêm túc xử lý các trường hợp lấn chiếm hành lang bảo vệ bờ và lòng sông, kênh rạch gây bồi lắng, xói lở, làm cản trở đường tiêu thoát.

5. Các Tổng Công ty 90, 91 và các đơn vị Trung ương đóng tại thành phố có trách nhiệm :

Thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thành viên xây dựng các phương án phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai - tìm kiếm cứu nạn. Có trách nhiệm báo cáo kết quả theo định kỳ và báo cáo năm cho Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố.

Đóng góp tài chính, vật tư, nhân lực cùng quận, huyện tu bổ, bảo vệ công trình phòng, chống lụt, bão, đê bao liên quan đến diện tích đất giao đơn vị sử dụng; thực hiện nghĩa vụ đóng Quỹ phòng, chống lụt, bão hàng năm đúng theo mức thu và thời hạn nộp theo quyết định giao chỉ tiêu của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm :

- Chủ động sử dụng ngân sách địa phương hoặc các nguồn kinh phí khác theo quy định và huy động các nguồn lực để phòng, chống và khắc phục hậu quả bão, lũ, sớm ổn định sản xuất và đời sống nhân dân; đồng thời phải quan tâm, hỗ trợ thiệt hại (nếu có).

- Đối với các địa phương thường xảy ra sạt lở đất phải thường xuyên cảnh giác và thông tin kịp thời đến các phường, xã, ấp, khu phố để người dân biết, chủ động đối phó; có phương án cụ thể trong việc di dời người và tài sản đến nơi an toàn, kiên quyết giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

- Chủ động phối hợp với ngành liên quan của thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, pháp lý về phòng, chống lụt, bão - tìm kiếm cứu nạn cho cán bộ, chuyên viên, thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão (quận, huyện, phường, xã, thị trấn); hoàn thành trong quý II năm 2006.

- Huyện Cần Giờ cần chỉ đạo, khẩn trương việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu neo đậu tránh bão cho tàu cá tại khu vực sông Đồng Định.

7. Các sở, ban, ngành thành phố tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Điều 3, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm :

7.1- Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo và hướng dẫn các sở, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác tìm kiếm cứu nạn, phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ, bão, thiên tai; đồng thời tổng hợp tình hình, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các biện pháp đối phó và khắc phục hậu quả lũ, bão nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

7.2- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố :

- Tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ; Chỉ thị số 02/CT-BTS ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản năm 2006.

- Chỉ đạo, phối hợp với các huyện, quận ven vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai, chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cơ cấu mùa vụ thường xuyên để tránh gây thiệt hại do ảnh hưởng thiên tai.

7.3- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố chủ trì phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố, Công an thành phố và các ngành liên quan của thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 46/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

7.4- Sở Giao thông - Công chính thành phố chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố, quận, huyện và các sở, ngành liên quan kiểm tra xử lý sạt lở bờ sông, rạch, cấp phép làm kè, xử lý phương tiện thủy neo đậu trái phép

làm hư hỏng đê bao, bờ sông theo đúng pháp luật phòng chống lụt bão và quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7.5- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố :

- Là cơ quan thường trực phòng, khắc phục hậu quả động đất cấp thành phố phối hợp với các sở, ngành thành phố để chỉ đạo, tổ chức, kiểm tra, hướng dẫn đôn đốc các sở, ngành, quận, huyện về xây dựng kế hoạch, triển khai các phương án phòng, khắc phục hậu quả động đất trên địa bàn thành phố;

- Chủ trì phối hợp với Công an thành phố, Sở Giao thông Công chính thành phố, quận, huyện kiểm tra xử lý các trường hợp khai thác cát trái phép gây sạt lở bờ sông và đê bao;

- Chủ trì phối hợp với địa phương, đơn vị chuyên ngành xử lý, giải quyết hậu quả khi sự cố tràn dầu xảy ra tại thành phố;

- Đối với các dự án giao (hoặc tạm giao) đất xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu sản xuất nằm sát bờ sông, kênh rạch, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố không giao phần diện tích mặt nước kênh rạch cho các chủ đầu tư (vấn đề sử dụng hoặc san lấp kênh rạch để xây dựng công trình phải được cơ quan quản lý chuyên ngành chấp thuận theo quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố); đồng thời phải có điều khoản ghi rõ trách nhiệm các chủ đầu tư phải có trách nhiệm xây dựng, bảo quản, duy tu sửa chữa bờ bao, công trình trên phần đất được giao, không để xảy ra bề, sạt lở, bồi lắng gây ngập úng ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, tài sản của nhân dân và địa phương;

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng có quy mô lớn, đặc biệt các nhà cao tầng trong nội thành thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường cần lưu ý các sở chuyên ngành, khi thẩm định thiết kế cơ sở của các dự án trên phải yêu cầu đơn vị tư vấn tính toán thiết kế sao cho công trình vẫn đảm bảo ổn định khi có xảy ra sự cố động đất.

7.6- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố và Sở Tài chính thành phố phối hợp, hướng dẫn các ngành, quận, huyện lập dự toán chi hàng năm cho công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn theo khoản 2, Điều 3 Nghị định số 08/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2006. Riêng hỗ trợ từ Quỹ Phòng, chống lụt, bão thành phố hàng năm các địa phương, đơn vị đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố thông qua Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố trong tháng 12 năm trước.

7.7- Sở Xây dựng thành phố chủ trì phối hợp với quận, huyện kiểm tra, xử lý, đề xuất hướng giải quyết các nhà, xưởng, công trình, chung cư xuống cấp không bảo đảm an toàn khi xảy ra bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, xoáy và động đất.

7.8- Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện việc dự báo, cảnh báo, phát thông báo triều cường bổ sung cho thành phố; trước mắt dự báo tại hai trạm Phú An và Nhà Bè khi mực nước từ 1,30m trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 31 tháng 3 năm sau.

8. Thu, nộp Quỹ Phòng, chống lụt, bão :

Giao Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố và các quận, huyện phối hợp với ngành thuế, tài chính, kế hoạch đầu tư thực hiện thu đúng, thu đủ chỉ tiêu thu, nộp Quỹ Phòng, chống lụt, bão năm 2006 đối với đối tượng công dân và doanh nghiệp theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thủ trưởng các sở, ngành thành phố, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty 90, 91, các cơ quan, đơn vị (thành phố và Trung ương) đóng trên địa bàn thành phố, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thiện Nhân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/2006/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về giao chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống lụt, bão đối với các
doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố năm 2006**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998 (Điều 46); Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 08 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế về thành lập và hoạt động của Quỹ phòng, chống lụt, bão địa phương;

Căn cứ Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về công tác phòng, chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai - tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Thường trực Ban chỉ huy Phòng, chống lụt bão thành phố tại Tờ trình số 11/TTr-PCLB ngày 07 tháng 3 năm 2006; ý kiến của Sở Tư pháp thành phố tại công văn số 1593/STP-VB ngày 11 tháng 5 năm 2006;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay giao chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống lụt, bão năm 2006 cho các quận, huyện và Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy Phòng, chống lụt bão thành phố đối với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố (đính kèm Bảng tổng hợp giao chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống lụt, bão năm 2006 đối với đối tượng doanh nghiệp trong và ngoài nước).

Điều 2. Các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm nộp hai phần vạn (2/10.000) trên tổng số vốn sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp nhưng không quá 5.000.000 (năm triệu) đồng và được hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông để nộp vào Quỹ phòng, chống lụt, bão (theo điểm 2, Điều 9, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ). Giao Thường trực Ban chỉ huy Phòng, chống lụt bão thành phố phát hành danh sách các Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Các trường hợp được miễn, tạm hoãn đóng góp Quỹ phòng, chống lụt, bão thực hiện theo quy định tại điểm g, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 7, Chương II, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và của thành phố (tại Điều 4) như sau :

1. Các đối tượng được miễn đóng góp : các doanh nghiệp công ích và các hợp tác xã nông nghiệp;

2. Đối tượng được tạm hoãn đóng góp : các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế được miễn, giảm thuế doanh thu (nay là thuế giá trị gia tăng). Thực hiện theo Văn bản hướng dẫn số 427/PCLB ngày 19 tháng 9 năm 2001 của Cục Phòng chống lụt bão và Quản lý đê điều (nay là Cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão) và Văn bản số 4590/UB-CNN ngày 14 tháng 12 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố;

3. Các đối tượng doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh bị thua lỗ xin điều chỉnh (giảm) chi tiêu nộp Quỹ phòng, chống lụt, bão, căn cứ Luật Kế toán ngày 17 tháng 6 năm 2003 doanh nghiệp đó phải nộp báo cáo tài chính năm có kiểm toán cho cơ quan thu để trình cơ quan quy định ở Điều 4 quyết định này xem xét và quyết định.

Điều 4. Các trường hợp doanh nghiệp xin điều chỉnh mức thu và tạm hoãn đóng góp Quỹ phòng, chống lụt, bão (theo danh mục ở Điều 1) do bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, doanh nghiệp được cấp bù vốn hoạt động từ ngân sách, doanh nghiệp đã điều chỉnh (tăng - giảm) tổng vốn sản xuất - kinh doanh và các doanh nghiệp khác phân công trách nhiệm và ủy quyền như sau :

1. Đối với doanh nghiệp do Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão thành phố (Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão) phụ trách thu; giao Thường trực Ban chỉ huy phòng chống lụt bão thành phố chủ trì phối hợp với Cục Thuế thành phố xem xét, quyết định;

2. Đối với doanh nghiệp do quận - huyện phụ trách thu; ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chủ trì phối hợp với Cục Thuế thành phố xem xét, quyết định.

Điều 5. Trách nhiệm thu - nộp và phân bổ Quỹ phòng, chống lụt, bão :

1. Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện thu tiền đóng góp Quỹ phòng, chống lụt, bão của các Doanh nghiệp tư nhân, Công ty Trách nhiệm hữu hạn (vốn đầu tư trong nước), Hợp tác xã và tổng số tiền thu được phân bổ như sau :

a) Trích 5% trên tổng số thu để trả thù lao cho người, đơn vị trực tiếp thu;

b) 95% còn lại (quy thành 100%) được phân bổ như sau :

+ 40% nộp vào Quỹ phòng, chống lụt, bão quận - huyện (nơi doanh nghiệp đóng trụ sở);

+ 60% nộp về Quỹ phòng, chống lụt, bão thành phố, số tài khoản : 942.90.00.00003 tại Kho bạc Nhà nước thành phố, đơn vị nhận : Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão thành phố (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố).

2. Giao Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố thu tiền đóng góp Quỹ phòng, chống lụt, bão của Công ty cổ phần, Doanh nghiệp nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả Công ty trách nhiệm hữu hạn) và tổng số tiền thu được phân bổ như sau :

a) Trích 5% trên tổng số thu để trả thù lao cho người, đơn vị trực tiếp thu;

b) 95% còn lại nộp vào Quỹ phòng, chống lụt, bão thành phố.

3. Về tài chính, kế toán :

Tổ chức, cá nhân thu Quỹ phòng, chống lụt, bão phải thực hiện chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu - nộp, sử dụng Quỹ phòng, chống lụt, bão; thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Quy định cụ thể về chế độ báo cáo : báo cáo thu - nộp Quỹ trong 6 tháng và 9 tháng; báo cáo quyết toán thu - nộp, sử dụng Quỹ năm 2006.

Điều 6. Quy chế thực hiện, phân công phối hợp, trách nhiệm và thời gian hoàn thành :

1. Việc thu Quỹ phòng, chống lụt, bão phải thực hiện Quy chế công khai tài chính kèm theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính và thông báo công khai cho các doanh nghiệp biết. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chánh Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống

lục bảo thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thu đúng và thu đủ, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện đóng góp của các doanh nghiệp vào Quỹ phòng, chống lụt, bão (theo phân công ở Điều 5); kết quả thu và quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống lụt, bão phải báo cáo về Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố và Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố;

2. Giao Sở Tài chính thành phố chủ trì phối hợp với Thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hướng dẫn, theo dõi, quản lý, kiểm tra tình hình thu và sử dụng Quỹ phòng, chống lụt, bão theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;

3. Sở Tài chính thành phố : in và quản lý việc phát hành biên lai thu tiền theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính để thu tiền Quỹ phòng, chống lụt, bão; chỉ đạo các phòng Tài chính - Kế hoạch các quận - huyện thực hiện thu - nộp, sử dụng và lập báo cáo về Quỹ phòng, chống lụt, bão quy định tại điểm 5.3, Điều 5 quyết định này; thực hiện trách nhiệm được phân công tại điểm 3.15, Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố;

4. Quá trình tổ chức thu, Văn phòng Thường trực Ban (Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão) và Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thống kê, lập danh sách các trường hợp không thu được ngoài các trường hợp đã quy định ở Điều 4 và điểm 7.2, Điều 7 quyết định này liên hệ trực tiếp với Cục Thuế thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố phối hợp xem xét, giải quyết. Ủy ban nhân dân các quận - huyện thống kê doanh nghiệp không thu được Quỹ (do đã giải thể, chuyển đổi địa chỉ, không tồn tại trên thực tế) và báo cáo về Văn phòng Thường trực Ban trước ngày 30 tháng 9 năm 2006; thống kê doanh nghiệp đang hoạt động nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ nộp Quỹ Phòng, chống lụt, bão và báo cáo về Văn phòng Thường trực Ban trước ngày 31 tháng 01 năm 2007;

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố và Cục Thuế thành phố phối hợp thực hiện trách nhiệm được phân công tại điểm 3.8 và điểm 3.14, Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố;

6. Thời gian thực hiện và hoàn thành việc thu - nộp Quỹ phòng, chống lụt, bão trong năm 2006 (riêng quyết toán chậm nhất là đến ngày 31 tháng 3 năm 2007).

Điều 7. Khen thưởng, xử lý vi phạm và xử phạt vi phạm hành chính :

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ phòng, chống lụt, bão được khen thưởng theo chế độ quy định của Nhà nước;

2. Doanh nghiệp không nộp hoặc không nộp đủ nghĩa vụ đóng góp vào Quỹ phòng, chống lụt, bão theo quy định sẽ xử lý theo Điều 17, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ. Thành phố quy định cụ thể như sau : sau ngày 15 tháng 11 năm 2006 cho phép Thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện đề nghị cơ quan ngân hàng cắt chuyển kinh phí từ tài khoản của doanh nghiệp không nộp hoặc không nộp đủ Quỹ vào tài khoản Quỹ phòng, chống lụt, bão thành phố hoặc quận - huyện;

3. Người được giao nhiệm vụ thu - nộp, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống lụt, bão vi phạm các quy định của Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

4. Về xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 9. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố, Giám đốc Sở Tài chính thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chánh Văn phòng Ban chỉ huy Phòng, chống lụt bão thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố và Giám đốc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thiện Nhân

BẢNG TỔNG HỢP GIAO CHỈ TIÊU THU QUỸ PCLB NĂM 2006
(Kèm theo Quyết định số 76/2006/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Quận-Huyện	Công ty TNHH (vốn trong nước), DNTN, HTX (Giao cho quận-huyện)					Công ty cổ phần, DN nhà nước, DN nước ngoài (Giao cho VP Thường trực Ban chỉ huy PCLB TP)				Tổng số thu-nộp Quỹ năm 2006 đối với đối tượng doanh nghiệp sau khi trích thù lao	
	TS doanh nghiệp	Chỉ tiêu thu Quỹ (quy ra VND)	Trích 5% trả thù lao cho đơn vị thu	95% quy thành 100%		TS doanh nghiệp	Chỉ tiêu thu Quỹ (quy ra VND)	Trích 5% trả thù lao cho đơn vị thu	95% nộp vào Quỹ PCLB thành phố	Quỹ PCLB quận-huyện	Quỹ PCLB thành phố
				40% để lại Quỹ PCLB quận-huyện	60% nộp về Quỹ PCLB thành phố						
Quận 1	4,069	1,406,981,000	70,349,050	534,652,780	801,979,170	947	2,020,018,000	101,000,900	1,919,017,100	534,652,780	2,720,996,270
Quận 2	617	217,218,000	10,860,900	82,542,840	123,814,260	90	188,192,000	9,409,600	178,782,400	82,542,840	302,596,660
Quận 3	2,119	700,892,000	35,044,600	266,338,960	399,508,440	398	716,254,000	35,812,700	680,441,300	266,338,960	1,079,949,740
Quận 4	654	153,552,000	7,677,600	58,349,760	87,524,640	115	190,192,000	9,509,600	180,682,400	58,349,760	268,207,040
Quận 5	1,877	601,896,000	30,094,800	228,720,480	343,080,720	151	274,256,000	13,712,800	260,543,200	228,720,480	603,623,920
Quận 6	1,261	355,991,000	17,799,550	135,276,580	202,914,870	80	141,998,000	7,099,900	134,898,100	135,276,580	337,812,970
Quận 7	1,097	362,145,000	18,107,250	137,615,100	206,422,650	243	711,871,000	35,593,550	676,277,450	137,615,100	882,700,100
Quận 8	957	264,259,000	13,212,950	100,418,420	150,627,630	80	148,676,000	7,433,800	141,242,200	100,418,420	291,869,830
Quận 9	662	164,735,000	8,236,750	62,599,300	93,898,950	104	212,338,000	10,616,900	201,721,100	62,599,300	295,620,050
Quận 10	2,081	566,487,000	28,324,350	215,265,060	322,897,590	182	248,561,000	12,428,050	236,132,950	215,265,060	559,030,540
Quận 11	1,349	429,484,000	21,474,200	163,203,920	244,805,880	87	155,078,000	7,753,900	147,324,100	163,203,920	392,129,980
Quận 12	1,039	356,856,000	17,842,800	135,605,280	203,407,920	160	280,009,000	14,000,450	266,008,550	135,605,280	469,416,470
Q.Bình Tân	1,818	825,516,000	41,275,800	313,696,080	470,544,120	228	518,291,000	25,914,550	492,376,450	313,696,080	962,920,570
Q.Bình Thạnh	3,047	796,531,000	39,826,550	302,681,780	454,022,670	404	550,720,000	27,536,000	523,184,000	302,681,780	977,206,670
Q.Gò Vấp	2,633	562,894,000	28,144,700	213,899,720	320,849,580	202	237,501,000	11,875,050	225,625,950	213,899,720	546,475,530
Q.Phú Nhuận	1,791	393,846,000	19,692,300	149,661,480	224,492,220	219	265,542,000	13,277,100	252,264,900	149,661,480	476,757,120
Q.Tân Bình	4,360	1,220,796,000	61,039,800	463,902,480	695,853,720	451	615,085,000	30,754,250	584,330,750	463,902,480	1,280,184,470
Q.Tân Phú	2,174	608,572,000	30,428,600	231,257,360	346,886,040	199	335,766,000	16,788,300	318,977,700	231,257,360	665,863,740
Q.Thủ Đức	913	276,173,000	13,808,650	104,945,740	157,418,610	207	556,079,000	27,803,950	528,275,050	104,945,740	685,693,660
H.Bình Chánh	931	457,151,000	22,857,550	173,717,380	260,576,070	110	210,003,000	10,500,150	199,502,850	173,717,380	460,078,920
H.Cần Giờ	61	17,345,000	867,250	6,591,100	9,886,650	3	4,400,000	220,000	4,180,000	6,591,100	14,066,650
H.Củ Chi	450	146,335,000	7,316,750	55,607,300	83,410,950	86	235,062,000	11,753,100	223,308,900	55,607,300	306,719,850
H.Hóc Môn	531	186,514,000	9,325,700	70,875,320	106,312,980	61	123,307,000	6,165,350	117,141,650	70,875,320	223,454,630
H.Nhà Bè	185	72,607,000	3,630,350	27,590,660	41,385,990	15	38,725,000	1,936,250	36,788,750	27,590,660	78,174,740
Tổng cộng	36,676	11,144,776,000	557,238,800	4,235,014,880	6,352,522,320	4,822	8,977,924,000	448,896,200	8,529,027,800	4,235,014,880	14,881,550,120

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/2006/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết 36 - NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch 47 -KH/TU của Thành ủy về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 110/2004/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 36 - NQ/TW ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài;

Căn cứ Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 31 tháng 3 năm 2005 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết 36 - NQ/TW ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố tại Công văn số 64/TH-UBNDV ngày 10 tháng 3 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương

trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch 47-KH/TU của Thành ủy về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ nhiệm Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thành đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các cơ quan Báo - Đài thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thiện Nhân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động
của Chính phủ và Kế hoạch 47-KH/TU của Thành ủy về công tác
đối với người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 77 /2006/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Ngày 26 tháng 3 năm 2004, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 36 – NQ/TW về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Tiếp đó, ngày 23 tháng 6 năm 2004, Chính phủ ban hành Quyết định số 110/2004/QĐ-TTg về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ để thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ Chính trị. Trong đó, Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào Chương trình hành động này của Chính phủ và xuất phát từ tình hình thực tế của từng Bộ, ngành, địa phương tổ chức ngay việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới chính sách và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

Nhằm thực hiện một cách có hiệu quả công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố, theo tinh thần Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 22 tháng 9 năm 2004, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 219/2004/QĐ-UB về Quy chế phối hợp công tác về người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ, ngày 31 tháng 3 năm 2005, Thành ủy có Kế hoạch số 47-KH/TU về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

Chương trình này nhằm tăng cường công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, tạo điều kiện cho kiều bào đóng góp tích cực và hiệu quả với thành phố và đất nước, góp phần xây dựng chính sách và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 36-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch 47-KH/TU của Thành ủy về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

II. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Triển khai Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch 47-KH/TU của Thành ủy:

1.1. Các cơ quan báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, các trang tin điện tử ở thành phố thông tin đầy đủ nội dung Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Nghị quyết 36-NQ-TW, đồng thời mở các chuyên mục, chuyên trang về kiều bào, nhằm kịp thời phản ánh các hoạt động tích cực của kiều bào ở trong và ngoài nước.

1.2. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố tổ chức phổ biến Nghị quyết 36-NQ-TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ, Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân thành phố và các chính sách, pháp luật liên quan đến kiều bào đang làm việc, sinh sống tại thành phố và động viên kêu gọi kiều bào hiến kế góp phần thực hiện có hiệu quả công tác về người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

1.3. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố có trách nhiệm tổ chức thông tin, giải đáp các vấn đề liên quan đến kiều bào trên các phương tiện thông tin đại chúng ở thành phố và qua Cityweb.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài ổn định cuộc sống khi về làm việc, sinh sống tại thành phố:

2.1. Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thuộc thành phố thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị số 03/2004/CT-UB ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường thực hiện các chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố và Quyết định số 219/2004/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy chế phối hợp công tác về người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

2.2. Công an thành phố chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đảm bảo thực hiện tốt các chính sách liên quan đến kiều bào về đăng ký lưu trú, cấp thẻ tạm trú, thường trú, hồi hương, nhằm đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn thành phố.

2.3. Sở Tư pháp có biện pháp giải quyết nhanh chóng và thỏa đáng yêu cầu của kiều bào về quốc tịch, hộ tịch, thừa kế, hôn nhân, lý lịch tư pháp, ...

2.4. Cục Hải quan thành phố phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố phổ biến, hướng dẫn kịp thời và công khai các thủ tục hành chính về hải quan đối với kiều bào khi xuất nhập cảnh Việt Nam thăm gia đình, làm việc, đầu tư và hồi hương.

3. Thu hút và phát huy tiềm năng của đội ngũ trí thức người Việt Nam ở nước ngoài:

3.1. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của thành phố nghiên cứu, xây dựng chính sách thoả đáng đối với những chuyên gia trí thức kiều bào có trình độ chuyên môn cao, có điều kiện tham gia đóng góp cho các chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và đất nước. Nhằm chủ động thu hút nhân tài người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá thành phố và đất nước.

3.2. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của thành phố có đề án thành lập các tổ chức nhằm quy tụ trí thức, chuyên gia kiều bào tham gia đóng góp trực tiếp cho các chương trình dự án trọng điểm của thành phố.

3.3. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố phối hợp với Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trong việc thành lập “Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn, Đào tạo, Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ các thành tựu về khoa học kỹ thuật của người Việt Nam ở nước ngoài” trực thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Sự cam kết và đóng góp của thành phố trong đề án này phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Phát huy tiềm năng của người Việt Nam ở nước ngoài trong xúc tiến và hợp tác kinh tế, đầu tư, kinh doanh và thương mại:

4.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố định kỳ 3 tháng/lần tổ chức phổ biến các quy định pháp luật, hướng dẫn các thủ tục hành chính về đầu tư đối với người Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời ghi nhận các ý kiến đóng góp xây dựng của kiều bào. Kịp thời và chủ động đề xuất

biện pháp giải quyết vướng mắc, trở ngại, đơn giản hóa thủ tục, giải quyết nhanh việc cấp phép nhằm thu hút đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài vào các chương trình, dự án, lĩnh vực mà thành phố có chính sách khuyến khích và ưu đãi.

4.2. Sở Thương mại phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố:

Có kế hoạch, biện pháp cụ thể và đề xuất chính sách thích hợp nhằm phát huy khả năng của người Việt Nam ở nước ngoài trong vai trò đầu mối ở nước sở tại để giới thiệu, tiếp thị và xuất khẩu các sản phẩm và hàng hoá chất lượng cao của Việt Nam ở nước ngoài.

Hỗ trợ các hoạt động thiết thực của các cá nhân, tổ chức doanh nhân và doanh nghiệp kiều bào ở trong và ngoài nước nhằm thu hút sự đóng góp của kiều bào trên các lĩnh vực đối với công cuộc xây dựng, phát triển thành phố và đất nước.

4.3. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố (ITPC) căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình xây dựng kế hoạch hàng năm để xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại đối với kiều bào nhằm quảng bá hàng hóa Việt Nam và tìm nguồn xuất khẩu hàng hóa Việt Nam ra nước ngoài, đồng thời thu hút đầu tư thông qua cộng đồng người Việt Nam ở các nước.

4.4. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố phối hợp với Sở Thương mại, Sở Nội vụ củng cố tổ chức và phát huy vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp người Việt Nam ở nước ngoài thành phố và Chi hội Doanh nghiệp kiều bào người Hoa.

4.5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố chủ trì, phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung kịp thời các chính sách nhằm khuyến khích, đẩy mạnh và phát huy hiệu quả của kiều hối.

5. Tăng cường công tác văn hóa thông tin, giao lưu với người Việt Nam ở nước ngoài:

5.1. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố xây dựng đề án tăng cường thông tin cho kiều bào và thân nhân trong năm 2006, chú ý phối hợp với Ủy ban Người Việt Nam ở nước ngoài của Trung ương.

5.2. Sở Tài chính phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố tiếp tục duy trì thực hiện tốt việc trợ giá 50% cước vận chuyển gửi báo chí, văn hóa phẩm cho tổ chức và cá nhân kiều bào ở nước ngoài.

5.3. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố: “Giáo trình và phương pháp dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài”. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho con em kiều bào vào học ở các trường phổ thông, thực tập tốt nghiệp ở thành phố, thu hút kiều bào tham gia xã hội hoá, đầu tư phát triển giáo dục phổ thông và dạy nghề.

5.4. Sở Văn hóa và Thông tin chủ trì:

Phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố lập kế hoạch tổ chức các đoàn nghệ thuật với các loại hình thích hợp đi biểu diễn ở những nước có đông kiều bào định cư vào các dịp Lễ, Tết, các ngày kỷ niệm truyền thống, lễ hội trọng đại của dân tộc theo đề nghị và khả năng đóng góp của kiều bào.

Phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố đề xuất và trình Ủy ban nhân dân thành phố mời các cá nhân hoặc tổ chức kiều bào về nước tham dự các lễ hội trọng đại ở thành phố.

5.5. Sở Thể dục Thể thao chủ trì phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố và Sở Nội vụ dự thảo Quy chế khuyến khích các vận động viên, huấn luyện viên là kiều bào tham gia các hoạt động thể dục, thể thao ở thành phố nhằm tăng cường điều kiện giao lưu, kinh nghiệm tổ chức thi đấu và thu hút tài năng. Sở Thể dục Thể thao phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố tổ chức các hoạt động giao lưu thể dục, thể thao với kiều bào ở thành phố.

5.6. Thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố phối hợp với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố thông báo những chương trình hoạt động, giao lưu trong các dịp Lễ, Tết, hè hàng năm của tuổi trẻ thành phố để giới thiệu và vận động thanh, thiếu niên kiều bào tham gia. Tạo điều kiện thuận lợi để thanh, thiếu niên kiều bào tham gia các hoạt động của tuổi trẻ thành phố, như: Thanh niên tình nguyện, Mùa hè xanh, Về nguồn và các hoạt động xã hội,...

6. Chính sách khen thưởng người Việt Nam ở nước ngoài:

6.1. Ban Thi đua và Khen thưởng thành phố định kỳ xem xét khen thưởng kiều bào có những đóng góp thiết thực và có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học công nghệ, y tế, giáo dục, văn hoá, xã hội, ... của thành phố và đất nước trên cơ sở đề nghị của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố và các cơ quan liên quan theo quy định hiện hành.

6.2. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố tiếp tục nghiên cứu bổ sung các quy định về khen thưởng đối với kiều bào phù hợp với Luật Thi đua Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Đổi mới phương thức vận động người Việt Nam ở nước ngoài:

7.1. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “Thông kê các số liệu về người Việt Nam ở nước ngoài liên quan đến Thành phố và những vấn đề đặt ra” để có cơ sở khoa học đề xuất, kiến nghị nhằm góp phần xây dựng sách lược và chiến lược về công tác kiều bào.

7.2. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố nghiên cứu đề xuất các phương thức vận động mới, động viên khuyến khích mọi hình thức tập hợp, đoàn kết người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt chú trọng đến lĩnh vực khoa học công nghệ, kiều bào thế hệ trẻ, các tầng lớp thân nhân kiều bào ở trong nước,...

7.3. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố chủ động tổ chức các hình thức thích hợp thu thập ý kiến của người Việt Nam ở nước ngoài đối với các dự thảo chính sách, pháp luật có liên quan đến kiều bào và kịp thời tổ chức phổ biến triển khai các chính sách, pháp luật khi được ban hành.

8. Về tổ chức bộ máy:

8.1. Đến hết quý II năm 2006, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng mô hình tổ chức bộ máy của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ của công tác kiều bào trong tình hình mới, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

8.2. Đảm bảo cơ chế, bộ máy của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố có đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ chính trị và thực hiện cơ chế “Một cửa” đối với các công việc liên quan đến kiều bào tại thành phố, từ năm 2007.

9. Về kinh phí:

Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xem xét việc bổ sung kinh phí ngoài khoán cho các hoạt động phát sinh hiện nay và tăng kinh phí hoạt động của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố sau khi đề án tăng cường bộ máy tổ chức được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Từ nay đến hết quý II năm 2006, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất kế hoạch tổ chức Hội nghị triển khai công tác về người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

2. Các sở, ban, ngành thành phố; Ủy ban nhân dân quận, huyện; các cơ quan, đoàn thể có trách nhiệm thường xuyên trao đổi tình hình liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố (theo mẫu “Phiếu trao đổi thông tin” đính kèm).

3. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố liên hệ với các cơ quan, đơn vị để nắm tình hình, theo dõi tiến độ thực hiện Chương trình hành động này và tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố theo định kỳ 3 tháng/lần.

4. Căn cứ Chương trình này, các sở, ban, ngành thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đoàn thể ở thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác về người Việt Nam ở nước ngoài tại đơn vị mình./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHIẾU TRAO ĐỔI THÔNG TIN
(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

Cơ quan:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

I. NỘI DUNG CẦN TRAO ĐỔI.

1. Số lượng khiếu nại liên hệ với cơ quan, đơn vị, địa phương:

Trên các lĩnh vực cụ thể (theo lĩnh vực ngành và địa phương quản lý):

a) -

b) -

c) -

d) -

...

2. Kết quả đã giải quyết cụ thể trên các lĩnh vực:

a) -

b) -

c) -

d) -

...

3. Những vấn đề vướng mắc chưa được giải quyết:

a) -

b) -

c) -

d) -

...

4. Các văn bản chính sách, pháp luật và thông tin cần được cung cấp nhằm phục vụ cho công tác vận động khiếu nại ở cơ quan, đơn vị, địa phương:

a) -

b) -

c) -

d) -

...

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐỐI VỚI KIẾU BÀO Ở ĐỊA PHƯƠNG.

III. KIẾN NGHỊ.

Ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78/2006/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 770/TTg ngày 20 tháng 12 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức Thanh niên Xung phong trong tình hình mới;

Xét đề nghị của Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố và của Giám đốc Sở Nội vụ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 122/QĐ-UB ngày 09 tháng 10 năm 1980 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố, Quyết định số 2183/QĐ-UB ngày 24 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban nhân dân thành phố về kiện toàn tổ chức Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố, Quyết định số 4421/QĐ-UB-NCVX ngày 17 tháng 6 năm 1995 của Ủy ban nhân dân thành

phố về sửa đổi, bổ sung một số điều về nhiệm vụ tổ chức Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG
THANH NIÊN XUNG PHONG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 78 /2006/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1.

1.1- Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố là một tổ chức kinh tế - xã hội mang tính đặc thù của thành phố; có chức năng tổ chức, quản lý các lực lượng thanh niên xung kích thực hiện các chương trình, dự án kinh tế - xã hội và những nhiệm vụ cấp bách theo yêu cầu của thành phố.

1.2- Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự quản lý Nhà nước của các sở - ngành có liên quan.

Điều 2.

1. Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định.

2. Trụ sở của Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố đặt tại số 922, đường Nguyễn Trãi, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

**Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 3. Nhiệm vụ chung của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố:

1. Xung kích thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội theo chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do Ủy ban nhân dân thành phố giao, góp phần giải quyết các vấn đề về môi sinh - môi trường, chỉnh trang đô thị, xây dựng nhà ở và các khu tái định cư ; tham gia xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình công cộng và dịch vụ công ích ; tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và đảm bảo trật tự - an toàn xã hội trên địa bàn thành phố.

2. Tiếp nhận, quản lý, tổ chức lao động sản xuất, giáo dục dạy nghề cho người còn trong độ tuổi lao động nhưng lang thang, ăn xin, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận, quản lý, chữa trị, giáo dục, dạy nghề, giải quyết việc làm cho người nghiện ma túy và cho người sau cai nghiện ma túy.

4. Quản lý các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong, theo ủy nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố ; thực hiện các chương trình dự án, liên doanh - liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước theo quy định hiện hành để giải quyết việc làm cho đội viên thanh niên xung phong và cho thanh niên.

5. Tập hợp và tổ chức cho một bộ phận thanh niên thành phố tham gia xây dựng kinh tế - xã hội có hiệu quả, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ xã hội được giao ; thông qua thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà giáo dục, đào tạo, dạy nghề, rèn luyện thanh niên trở thành con người mới Xã hội Chủ nghĩa.

6. Xây dựng lực lượng hậu bị quốc phòng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do thành phố giao.

Điều 4. Các nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể :**1. Về tổ chức thực hiện pháp luật :**

a) Chấp hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật.

b) Nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành chính sách, chủ trương liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Thanh niên xung phong ; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố trong việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, các chính sách, chủ trương của thành phố nhằm đảm bảo tính thống nhất trong Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố.

c) Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục việc chấp hành pháp luật cho cán bộ, công chức, đội viên Thanh niên xung phong, người lao động và các đối tượng khác do Lực lượng Thanh niên xung phong quản lý.

2. Về xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội :

a) Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và những nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân thành phố giao. Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và hàng năm theo lĩnh vực công tác của Lực lượng Thanh niên xung phong, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt để tổ chức thực hiện.

b) Nghiên cứu xây dựng các chương trình, dự án phát triển Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố trình cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia xét duyệt các luận chứng kinh tế - kỹ thuật, thiết kế và dự toán các công trình xây dựng, các chương trình, đề tài được Ủy ban nhân dân thành phố phân công, ủy quyền cho Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý.

c) Căn cứ vào kế hoạch của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và điều kiện thực tế của các đơn vị trực thuộc, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố xét duyệt, giao chỉ tiêu kế hoạch và công nhận hoàn thành kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc.

d) Theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, các chương trình, dự án đầu tư phát triển của các đơn vị trực thuộc ; đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch.

3. Về công tác tài chính :

a) Căn cứ nhiệm vụ được giao, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch đầu tư cho các chương trình mục tiêu hoạt động, kế hoạch tài chính do Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Căn cứ kế hoạch tài chính được duyệt, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong có quyền phân bổ, kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo đúng nguyên tắc về tài chính và chịu trách nhiệm quyết toán với Sở Tài chính; trường hợp cần thiết, trong phạm vi tổng mức thu - chi tài chính được duyệt, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong có quyền điều chỉnh mức thu - chi tài chính chi tiết để thực hiện nhiệm vụ được giao, nhưng không được thay đổi mục tiêu kế hoạch đã được duyệt; việc điều chỉnh cần trao đổi thống nhất với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố nộp đầy đủ các khoản thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật.

d) Tổ chức hạch toán, kế toán theo quy định hiện hành về chế độ kế toán tài chính ; hướng dẫn xây dựng dự toán thu - chi tài chính hàng năm đối với các đơn vị sự nghiệp ; thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc bảo toàn vốn, sử dụng vốn và tài sản được Nhà nước giao tại các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố.

4. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại - tố cáo, xử lý vi phạm:

a) Tổ chức thanh tra, kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố đối với cá nhân, đơn vị trực thuộc trong việc chấp hành chính sách, chế độ theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chủ trì hoặc tham gia giải quyết các tranh chấp, khiếu nại - tố cáo có liên quan đến Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố; giải quyết các đơn thư, khiếu nại - tố cáo của công dân thuộc thẩm quyền của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố theo quy định của pháp luật.

5. Về công tác tổ chức bộ máy, quản lý công chức, viên chức :

a) Nghiên cứu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố phương án kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố, trên cơ sở tinh gọn, hoạt động có hiệu quả.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ và các ngành chức năng có liên quan, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể, chuyển đổi chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các vấn đề về biên chế, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, kỷ luật và thực hiện các chính sách, chế độ đối với công chức, viên chức thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố theo quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức của thành phố đúng theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện việc áp dụng các chức danh, tiêu chuẩn công chức theo các quy định của Nhà nước; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố, đề nghị cơ quan có thẩm

quyền phê duyệt theo quy định của Nhà nước; nhận xét, đánh giá, quy hoạch, bố trí, sử dụng và quản lý đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trực thuộc theo phân cấp quản lý.

e) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch ngắn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố; chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các chương trình, khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ, chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc theo phân cấp quản lý.

f) Quyết định khen thưởng, kỷ luật và giải quyết các chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố trực tiếp quản lý theo đúng quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Về quản lý đội viên Thanh niên xung phong :

a) Căn cứ các chương trình, dự án, kế hoạch kinh tế-xã hội được giao, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố lập kế hoạch tuyển Thanh niên xung phong làm việc tại các đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp Thanh niên xung phong; các đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong phải ưu tiên tuyển dụng lao động là đội viên Thanh niên xung phong.

b) Giáo dục, rèn luyện, đào tạo nghề nghiệp, bảo đảm cho đội viên Thanh niên xung phong, người lao động có phẩm chất, đạo đức tốt; trưởng thành về chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình phục vụ trong Lực lượng Thanh niên xung phong.

c) Xây dựng các quy chế, quy định về tuyển và quản lý đội viên Thanh niên xung phong và người lao động theo quy định của Nhà nước, kiểm tra việc thi hành các chính sách, chế độ về tiền lương, việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, vệ sinh lao động, an toàn lao động và các chính sách, chế độ khác cho đội viên Thanh niên xung phong và người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước và của thành phố.

7. Về quản lý học viên cai nghiện ma túy và người sau cai nghiện :

a) Căn cứ chỉ tiêu hàng năm được giao, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố lập kế hoạch tiếp nhận, tổ chức quản lý, chữa trị, giáo dục nhân cách, dạy học văn hóa, dạy nghề, tổ chức lao động sản xuất và giải quyết việc làm cho người nghiện ma túy theo đúng quy trình, quy chế hiện hành của Nhà nước và của thành phố.

b) Tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện theo kế hoạch được giao và đúng quy định của Nhà nước.

c) Xây dựng các quy chế, quy định về quản lý học viên, kiểm tra việc thi hành các chính sách, chế độ đối với người cai nghiện và người sau cai nghiện ma túy theo đúng quy định của Nhà nước.

8. Tiếp nhận quản lý, tổ chức lao động sản xuất, dạy học văn hóa, dạy nghề cho người lang thang còn tuổi lao động xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn thành phố theo quy định hiện hành.

9. Về công tác y tế :

a) Xây dựng kế hoạch, kinh phí hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe hàng năm cho công chức, viên chức, người lao động, người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị y tế để tổ chức điều trị cắt cơn nghiện ma túy, khám chữa bệnh, khám tuyển dụng lao động và quản lý sức khỏe của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người cai nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy trong thời gian làm việc và rèn luyện tại Lực lượng Thanh niên xung phong.

c) Tuyên truyền và tổ chức giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, bệnh lây nhiễm, thực hiện vệ sinh lao động, an toàn lao động và phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS tại các đơn vị trực thuộc.

10. Về đối ngoại :

a) Tham gia đàm phán, hoặc đàm phán ký kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật, chính sách của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực được phân công phụ trách ; chỉ đạo và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các chương trình, dự án liên doanh với nước ngoài.

b) Được quan hệ với các tổ chức của Chính phủ, cá nhân và tổ chức phi Chính phủ nước ngoài để thực hiện tài trợ cho các hoạt động xã hội của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố theo đúng quy định của Nhà nước, quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và chỉ đạo quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn tài trợ đó.

c) Đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc cử cán bộ thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố ra nước ngoài công tác, học tập, tu nghiệp ; khi đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố làm đối tác hợp tác kinh doanh với các tổ chức trong và ngoài nước, thì Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đề xuất cử cán bộ thuộc Lực

lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc các đơn vị liên doanh.

d) Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế khi được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép hoặc ủy quyền.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 5. Ban Chỉ huy Lực lượng Thanh niên xung phong :

1. Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố do Ban Chỉ huy Lực lượng phụ trách gồm : Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố phụ trách, quản lý và điều hành chung theo chế độ Thủ trưởng; có các Phó Chỉ huy trưởng giúp việc.

2. Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố trước Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Phó Chỉ huy Trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong. Các Phó Chỉ huy trưởng được Chỉ huy trưởng phân công phụ trách, quản lý, chỉ đạo một số công tác và một số đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong. Các Phó Chỉ huy trưởng chịu trách nhiệm trước Chỉ huy trưởng và Ủy ban nhân dân thành phố về nhiệm vụ được phân công.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố :

1. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ :

- Phòng Kế hoạch
- Phòng Kế toán
- Phòng Xã hội
- Phòng Y tế
- Phòng Tổ chức - Hành chính
- Phòng Thanh tra - Quân sự - Bảo vệ.

Nhiệm vụ của các phòng chuyên môn do Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quy định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố.

2. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc :

- Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề và Giải quyết việc làm Nhị Xuân
- Tổng đội 1 Thanh niên xung phong
- Trường Giáo dục - Đào tạo và Giải quyết việc làm số 1
- Trường Giáo dục - Đào tạo và Giải quyết việc làm số 2
- Trường Giáo dục - Đào tạo và Giải quyết việc làm số 3
- Trường Giáo dục - Đào tạo và Giải quyết việc làm số 4
- Trường Giáo dục - Đào tạo và Giải quyết việc làm số 5
- Trường Giáo dục - Đào tạo và Giải quyết việc làm số 6
- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thanh niên xung phong
- Ban Quản lý Cụm công nghiệp - Khu dân cư đô thị mới Nhị Xuân.

3. Doanh nghiệp Nhà nước :

- Công ty Khai thác Chế biến nông lâm sản cung ứng xuất khẩu (VYFACO)
- Công ty Đầu tư và Xây dựng Thanh niên xung phong (CINCO)
- Công ty Du lịch Thanh niên xung phong (V.Y.C)
- Công ty Đầu tư và Dịch vụ thành phố Hồ Chí Minh (INVESCO)
- Công ty Sản xuất - Kinh doanh - Thương mại và Dịch vụ xuất - nhập khẩu Thanh niên xung phong thành phố Hồ Chí Minh (V.Y.C)
- Công ty Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong.

Chương IV CÁC MỐI QUAN HỆ

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố :

1. Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố có trách nhiệm báo cáo, trình bày và cung cấp tài liệu cho Hội đồng nhân dân thành phố, trả lời các chất vấn hoặc

kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố.

2. Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Ủy ban nhân dân thành phố trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố phải thực hiện đúng chế độ báo cáo, xin chỉ thị, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố trong tổ chức các hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố ; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập ; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chủ trương và quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến cơ quan, đơn vị trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố.

4. Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố chịu trách nhiệm giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền được giao ; đối với những vấn đề vượt quá quyền hạn được giao, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố phải báo cáo xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch phụ trách xem xét, quyết định.

Điều 8. Đối với các Bộ - Ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố khác :

Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố được quan hệ với các cơ quan thuộc các Bộ - Ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố khác để báo cáo hoặc thu thập các thông tin cần thiết phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 9. Đối với sở - ngành thành phố :

1. Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố chịu sự quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực có liên quan của các sở - ngành thành phố; các sở - ngành thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố; Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố khi giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền có liên quan đến sở - ngành khác thì phải chủ động bàn bạc, xin ý kiến Thủ trưởng của sở - ngành đó bằng văn bản theo quy định.

2. Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố chủ động mời các sở - ngành thành phố có liên quan đến dự họp bàn các vấn đề cần thiết theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố và theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân thành phố giao, được yêu cầu các sở - ngành thành phố phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Điều 10. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện :

Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố trực tiếp làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện để giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố và cùng các quận - huyện quản lý, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 11. Quan hệ với Thành Đoàn Thanh niên Cộng sản thành phố :

Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố có nhiệm vụ phối hợp với Thành đoàn Thanh niên Cộng sản thành phố thực hiện các chương trình liên tịch cụ thể, thiết thực về công tác thanh niên và có sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chương trình liên tịch hàng năm.

Điều 12. Quan hệ với các địa phương nơi trú đóng :

1. Các đơn vị thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố hoạt động ở địa phương nào, phải chịu sự quản lý Nhà nước của Chính quyền địa phương đó; thường xuyên có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với Chính quyền địa phương nơi trú đóng.

2. Căn cứ vào chương trình ký kết, hợp tác giữa thành phố và các tỉnh, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị Thanh niên xung phong hoạt động tại các tỉnh tích cực thực hiện các nhiệm vụ hợp tác được phân công, góp phần xây dựng địa phương.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 13.**

Căn cứ nội dung Quy chế này, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác, các mặt hoạt động của Lực lượng Thanh niên xung phong, ban hành Quy chế làm việc cụ thể của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố; tổ chức các phòng - ban, sắp xếp bố trí công chức, viên chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả.

Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện theo chức năng và nhiệm vụ của ngành, địa phương mình, có trách nhiệm phối hợp với Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố để thực hiện Quy chế này.

Điều 14.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ nghiên cứu đề xuất, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/2006/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 05/2004/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về công tác nội vụ ở địa phương ;

Căn cứ Quyết định số 4310/QĐ-UB-NCVX ngày 20 tháng 12 năm 1994 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Sở, cơ quan ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân thành phố ;

Căn cứ Quyết định số 287/2003/QĐ-UB ngày 08 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về đổi tên Ban Tổ chức Chính quyền thành phố thành Sở Nội vụ trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 744/TTr-SNV ngày 02 tháng 12 năm 2005 ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 21 tháng 3 năm 1991 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tổ chức Chính quyền thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 79 /2006/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý Nhà nước về nội vụ, bao gồm các lĩnh vực : Tổ chức bộ máy các đơn vị hành chính, cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước, cán bộ công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức cấp phường); Hội, tổ chức phi Chính phủ; các tổ chức hành chính, sự nghiệp thuộc các Bộ - Ngành Trung ương và các địa phương, các tổ chức Hội thuộc Trung ương trú đóng trên địa bàn thành phố.

Sở Nội vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Trụ sở làm việc của Sở Nội vụ đặt tại số 86B, đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời, chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nội vụ.

**Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 3. Sở Nội vụ có nhiệm vụ :

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố các quyết định, chỉ thị về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.

2. Trình Ủy ban nhân dân thành phố quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về công tác nội vụ trên địa bàn thành phố.

3. Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.

4. Về tổ chức bộ máy hành chính, sự nghiệp của thành phố :

a- Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc phân cấp quản lý về tổ chức bộ máy đối với các đơn vị hành chính, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp.

b- Trình Ủy ban nhân dân thành phố đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

c- Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

d- Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý.

e- Tham gia với cơ quan chuyên môn thành phố có liên quan hướng dẫn, kiểm tra cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật và Ủy ban nhân dân thành phố; phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp của thành phố.

5. Về tổ chức các đơn vị hành chính của thành phố :

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố đề án về thành lập, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh các đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố nghiên cứu, hướng dẫn, theo dõi công tác tổ chức và hoạt động của bộ máy Chính quyền các cấp thuộc thành phố; phối hợp với các cơ quan hữu quan của thành phố tổ chức và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Quốc hội; tổ chức và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thuộc

thành phố theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan Trung ương; tổng hợp báo cáo kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, bầu Ủy ban nhân dân và thực hiện các thủ tục để Ủy ban nhân dân thành phố phê chuẩn hoặc trình cấp có thẩm quyền phê chuẩn các chức danh bầu cử theo quy định của pháp luật.

c) Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý công tác bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước đối với đại biểu Hội đồng nhân dân; tổ chức thống kê số lượng, chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, thành viên Ủy ban nhân dân các cấp để tổng hợp báo cáo theo quy định.

6. Về công tác địa giới hành chính :

a/ Tổ chức triển khai thực hiện các nguyên tắc về quản lý, phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn thành phố theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

b/ Theo dõi, quản lý địa giới hành chính của thành phố; chuẩn bị các thủ tục đề nghị việc thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính, nâng cấp đô thị theo quy định; hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của Nhà nước về thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tại địa phương.

c/ Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết các vấn đề tranh chấp địa giới hành chính; tổng hợp đề thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề tranh chấp địa giới hành chính còn có ý kiến khác nhau.

d/ Tổng hợp và quản lý hồ sơ địa giới, mốc, chỉ giới hành chính của thành phố theo hướng dẫn và quy định của Bộ Nội vụ.

7. Về công tác cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước của thành phố :

a- Trình Ủy ban nhân dân thành phố các đề án, phương án về phân công, phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước và cán bộ công chức cấp phường; chính sách, chế độ tiền lương, trợ cấp và các chế độ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước, cán bộ dân cử; sử dụng, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

b- Về quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp :

- Xây dựng và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch biên chế của địa phương để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố phê chuẩn tổng biên chế sự nghiệp và thông qua tổng biên chế hành chính trước khi báo cáo Bộ Nội vụ.

- Trình Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch giao chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

c- Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; cán bộ, công chức cấp phường; công chức dự bị; xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước, cán bộ công chức cấp phường, công chức dự bị; giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý và thực hiện kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; hướng dẫn và kiểm tra việc thi tuyển, xét tuyển, bố trí, sắp xếp, thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ công chức cơ sở.

d- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc bố trí, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước thuộc diện Ủy ban nhân dân thành phố quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức của thành phố.

e- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về chức danh, tiêu chuẩn; tổ chức thi tuyển, thi nâng ngạch, chuyển ngạch công chức, viên chức, xây dựng cơ cấu công chức trong các đơn vị thuộc thành phố theo quy định.

8. Thực hiện các mặt công tác thuộc lĩnh vực cải cách hành chính thành phố theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

9. Về công tác tổ chức Hội và các tổ chức phi Chính phủ trên địa bàn thành phố:

a) Thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền cho phép thành lập, giải thể, phê duyệt điều lệ của Hội, tổ chức phi Chính phủ trên địa bàn thành phố theo quy định.

b) Hướng dẫn, kiểm tra và trình Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo thẩm quyền việc thực hiện điều lệ đối với Hội, tổ chức phi Chính phủ trên địa bàn thành phố.

c) Định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý Hội trên địa bàn thành phố báo cáo Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân thành phố.

10. Thực hiện công tác hợp tác quốc tế về nội vụ và theo các lĩnh vực công tác được giao theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân thành phố.

11. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại - tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực công tác được Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật.

12. Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác nội vụ đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện và cấp phường.

13. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo lĩnh vực công tác được giao đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp của các Bộ - Ngành Trung ương, các Hội và địa phương khác đặt trụ sở trên địa bàn thành phố.

14. Tổng hợp, thống kê theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về tổ chức các cơ quan hành chính, sự nghiệp; số lượng đơn vị hành chính quận - huyện, cấp phường và khu phố, tổ dân phố, ấp; số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước, cán bộ công chức cấp phường; hướng dẫn thực hiện phân cấp quản lý hồ sơ cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

15. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ, cung cấp số liệu phục vụ công tác quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ.

16. Chỉ đạo và hướng dẫn tổ chức các hoạt động dịch vụ công trong các lĩnh vực công tác được giao.

17. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định, với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nội vụ.

18. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc Sở theo quy định.

19. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 4 . Sở Nội vụ có quyền hạn :

4.1. Xem xét, thỏa thuận đề Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thành phố quyết định thành lập hoặc tổ chức lại các phòng - ban chuyên môn trực thuộc.

Xem xét, thỏa thuận cho các tổ chức hành chính, sự nghiệp thuộc các Bộ - Ngành Trung ương và các địa phương; các tổ chức Hội thuộc Trung ương trú đóng và hoạt động trên địa bàn thành phố theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

4.2. Quyết định tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức đối với các cơ quan Trung ương, tỉnh - thành phố khác, lực lượng công an, quân đội chuyển ngành, các doanh nghiệp Nhà nước và các đoàn thể đến công tác tại cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc biên chế thành phố.

4.3. Quyết định bổ nhiệm ngạch chuyên viên và tương đương; chuyển xếp lại ngạch bậc lương cho cán bộ, công chức ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương không giữ chức vụ lãnh đạo sở - ngành, quận - huyện và tương đương.

4.4. Quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kỷ luật và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

4.5. Yêu cầu Thủ trưởng các sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện báo cáo, cung cấp thông tin về các vấn đề có liên quan đến công tác tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức.

4.6. Tổ chức các cuộc họp với các ngành, các cấp của thành phố để phổ biến, triển khai các nhiệm vụ của Sở Nội vụ.

4.7. Thực hiện thanh tra theo thẩm quyền quản lý Nhà nước của Sở; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị hành chính, cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công trong việc thực hiện các quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức; về địa giới hành chính và các mặt công tác khác thuộc phạm vi trách nhiệm của Sở; đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố về biện pháp giải quyết hoặc trực tiếp giải quyết những vấn đề phát sinh vướng mắc.

4.8. Được cử đại diện tham dự các cuộc họp Hội đồng nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận - huyện, cấp phường để nắm tình hình, nghiên cứu đề xuất ý kiến nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận - huyện và cấp phường.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 5. Sở Nội vụ có Giám đốc và một số Phó Giám đốc. Giám đốc là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về toàn bộ các hoạt động của Sở. Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Phó Giám đốc Sở là người giúp việc Giám đốc Sở, phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về các nhiệm vụ công tác được giao. Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở.

Các chức danh khác của Sở Nội vụ do Giám đốc Sở quyết định.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nội vụ gồm :

1. Văn phòng.
2. Thanh tra.
3. Phòng sở - ngành.
4. Phòng xây dựng Chính quyền.
5. Phòng Cải cách hành chính.
6. Phòng công chức, viên chức.

Theo yêu cầu công tác từng thời kỳ, Giám đốc Sở Nội vụ được ra quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy phòng - ban chuyên môn của Sở.

Điều 7. Biên chế của Sở Nội vụ do Ủy ban nhân dân thành phố giao trong tổng chỉ tiêu biên chế quản lý Nhà nước của thành phố.

Chương IV **CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 8. Đối với Bộ Nội vụ :

8.1- Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nội vụ; Sở báo cáo kết quả hoạt động và chương trình, kế hoạch công tác cho Bộ, dự các cuộc họp do Bộ triệu tập.

8.2- Khi chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Nội vụ chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ phải kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 9. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố :

9.1- Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

9.2- Đối với những vấn đề liên quan đến tổ chức Nhà nước mà Sở Nội vụ và các sở - ngành, quận - huyện còn ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 10. Đối với các Ban của Thành ủy :

Sở Nội vụ chủ động phối hợp với các Ban của Thành ủy, đặc biệt là Ban Tổ chức Thành ủy để tham khảo ý kiến, thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ.

Điều 11. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể nhân dân thành phố:

Sở Nội vụ chủ động tham khảo ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể nhân dân thành phố trong việc giải quyết các nhiệm vụ liên quan; có trách nhiệm trình bày rõ những chủ trương về xây dựng Chính quyền để thực hiện yêu cầu nhiệm vụ của thành phố.

Điều 12. Đối với các cơ quan chuyên môn thành phố :

12.1- Sở Nội vụ quan hệ với các cơ quan chuyên môn thành phố theo nguyên tắc phối hợp công việc, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của thành phố và nhiệm vụ của từng cơ quan; chỉ đạo và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tổ chức.

12.2- Trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề về chủ trương, chính sách, Sở Nội vụ cần trao đổi với các cơ quan chuyên môn có liên quan.

Điều 13. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện :

13.1- Sở Nội vụ hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện các nội dung về công tác tổ chức Nhà nước tại địa phương; chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho phòng Nội vụ quận - huyện.

13.2- Trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề về chính sách, chủ trương liên quan đến quận - huyện, Sở Nội vụ cần trao đổi với Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Căn cứ nội dung Quy chế này, Giám đốc Sở Nội vụ ban hành quy định chế độ làm việc của Sở, bố trí nhân sự cho các phòng - ban để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn của thành phố.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2006/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy và giải quyết tái hoà nhập cộng đồng cấp thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 146/2004/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ Quy định thủ tục, thẩm quyền quyết định đưa vào cơ sở quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Quyết định số 02/2006/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy và giải quyết tái hoà nhập cộng đồng cấp thành phố;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1578/TTr-STP-VB ngày 10 tháng 5 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy và giải quyết tái hoà nhập cộng đồng cấp thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Y tế, các thành viên Hội đồng tư vấn thành phố, Thủ trưởng các sở- ngành của thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy và giải quyết tái hoà nhập cộng đồng cấp thành phố

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 80 /2006/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định nguyên tắc hoạt động và phân công trách nhiệm của các thành viên trong Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy và giải quyết tái hoà nhập cộng đồng cấp thành phố (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn thành phố) được thành lập theo Quyết định số 02/2006/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn thành phố

Hội đồng tư vấn thành phố có chức năng tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố Hồ Chí Minh về các vấn đề liên quan đến việc đưa người nghiện ma túy, mại dâm vào cơ sở chữa bệnh; các vấn đề về tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện, giải quyết tái hoà nhập cộng đồng cho người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện và người đã chấp hành xong biện pháp quản lý người sau cai nghiện. Hội đồng tư vấn thành phố có nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Xét duyệt hồ sơ đề nghị đưa người nghiện ma túy, người mại dâm vào cơ sở chữa bệnh.

2. Xét duyệt cho hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh; giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ

sở chữa bệnh theo Điều 98 và 99 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002; hủy quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh.

3. Xét duyệt hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện đối với người đã kết thúc thời gian cai nghiện ma túy tập trung tại cơ sở chữa bệnh bắt buộc mà không tự nguyện vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện nhưng có khả năng tái nghiện cao; xét duyệt hồ sơ đề nghị kéo dài thời gian áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện.

4. Xét duyệt hồ sơ giải quyết tái hòa nhập cộng đồng đối với người sau cai nghiện, người bán dâm là học viên tại các cơ sở chữa bệnh.

5. Các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Địa điểm làm việc và con dấu sử dụng

Hội đồng tư vấn thành phố được sử dụng con dấu của Sở Lao động Thương binh và Xã hội trong quan hệ công tác. Địa điểm làm việc của Hội đồng tư vấn thành phố đặt tại Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.

Chương II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THÀNH PHỐ

Điều 4. Thường trực Hội đồng tư vấn thành phố

1. Chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của Hội đồng tư vấn thành phố, triệu tập cuộc họp, bố trí địa điểm họp, chuẩn bị nội dung cuộc họp, chủ trì cuộc họp, bố trí người ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng tư vấn thành phố; thông báo lịch họp hàng tuần của Hội đồng tư vấn thành phố cho Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

2. Hướng dẫn các Trường, Trung tâm và cơ quan lập hồ sơ về quy trình, thủ tục lập hồ sơ trình Hội đồng tư vấn thành phố xét duyệt.

3. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng tư vấn thành phố trong biên bản họp, ký Tờ trình, hoàn chỉnh và chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ việc để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc, trong trường hợp hồ sơ phức tạp có nhiều ý kiến khác nhau có thể trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng tư vấn thành phố họp. Tờ trình cần ghi rõ kết luận của Hội đồng tư vấn thành phố và ý kiến khác của thành viên dự họp (nếu có).

4. Theo dõi khối lượng công việc và tiến độ giải quyết hồ sơ của các Trường, Trung tâm gửi đến Hội đồng tư vấn thành phố.

5. Đảm bảo đầy đủ hồ sơ trước khi trình ra cuộc họp Hội đồng tư vấn thành phố xét duyệt.

6. Thẩm định hồ sơ, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, bảng tóm tắt nội dung so với hồ sơ gốc và các thông tin cung cấp cho Hội đồng tư vấn thành phố.

7. Trực tiếp xét duyệt hồ sơ, chịu trách nhiệm áp dụng đúng quy định pháp luật, các nguyên tắc, phương pháp và các tiêu chuẩn trong việc xét duyệt giải quyết hồ sơ; có ý kiến về các vấn đề thuộc chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Hội đồng tư vấn thành phố.

8. Trực tiếp hoặc giao cho bộ phận giúp việc xác minh những hồ sơ, vụ việc theo yêu cầu của Hội đồng tư vấn thành phố.

9. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng và hàng năm hoặc báo cáo đột xuất cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động của Hội đồng tư vấn thành phố.

Điều 5. Thành viên Hội đồng tư vấn thành phố

1. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng tư vấn thành phố đầy đủ, có trách nhiệm theo quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thành phố và quy định của pháp luật, ký biên bản họp của Hội đồng tư vấn thành phố.

2. Trực tiếp kiểm tra hồ sơ, chịu trách nhiệm áp dụng đúng quy định pháp luật, các nguyên tắc, phương pháp và các tiêu chuẩn trong việc xét duyệt giải quyết hồ sơ; có ý kiến về các vấn đề thuộc chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Hội đồng tư vấn thành phố.

3. Chịu trách nhiệm về các thông tin cung cấp cho Hội đồng tư vấn thành phố.

4. Theo dõi, kiểm tra cán bộ được cử tham dự các cuộc họp của Hội đồng tư vấn thành phố trong việc áp dụng các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực được phân công.

5. Được bảo lưu ý kiến khi không đồng ý với ý kiến chung của Hội đồng tư vấn thành phố, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét lại ý kiến chung của Hội đồng tư vấn thành phố.

Điều 6. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

1. Thực hiện nhiệm vụ là thành viên của Hội đồng tư vấn thành phố theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Giám sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng tư vấn thành phố trong việc xét duyệt hồ sơ vụ việc.

Điều 7. Giúp việc cho Hội đồng tư vấn thành phố

1. Hội đồng tư vấn thành phố có bộ phận giúp việc bao gồm Chi cục trưởng và một số chuyên viên của Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội. Số lượng các chuyên viên tham gia bộ phận giúp việc do Thường trực Hội đồng quyết định theo yêu cầu công việc của Hội đồng tư vấn thành phố.

2. Bộ phận giúp việc có trách nhiệm giúp Thường trực Hội đồng trong việc tiếp nhận, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ, ghi biên bản cuộc họp và thực hiện một số nhiệm vụ khác theo sự chỉ đạo, phân công của Thường trực Hội đồng.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Chế độ làm việc của Hội đồng tư vấn thành phố

1. Hội đồng tư vấn thành phố làm việc theo chế độ tập thể bàn bạc, thống nhất ý kiến. Các vấn đề thông qua tại cuộc họp Hội đồng tư vấn thành phố phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên có mặt đồng ý. Các thành viên không nhất trí có quyền bảo lưu ý kiến và được ghi nhận vào biên bản cuộc họp.

2. Mỗi cuộc họp của Hội đồng tư vấn thành phố phải lập biên bản, ghi rõ ý kiến phát biểu của từng thành viên. Biên bản họp của Hội đồng tư vấn thành phố phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp, được đóng dấu vào nơi có chữ ký của Thường trực Hội đồng, trường hợp biên bản có nhiều trang (tờ) thì phải đóng dấu giáp lai trên các trang của biên bản.

3. Cuộc họp của Hội đồng tư vấn thành phố chỉ tiến hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên có mặt. Trường hợp các thành viên không thể đến họp thì có thể ủy quyền hoặc cử người đại diện dự họp, ý kiến phát biểu tại cuộc họp của người đại diện có giá trị như ý kiến của thành viên Hội đồng và được ghi vào biên bản cuộc họp. Trường hợp thành viên của Hội đồng tư vấn thành phố không đồng ý với ý kiến phát biểu tại cuộc họp của người đại diện do mình cử thì phải có ý kiến bằng văn bản gửi Thường trực Hội đồng chậm nhất là 02 ngày kể từ ngày họp.

4. Các thành viên Hội đồng tư vấn thành phố làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; được hưởng bồi dưỡng kiêm nhiệm và thù lao hội họp theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 9. Mọi quan hệ công tác

1. Hội đồng tư vấn thành phố chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm cho Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn thành phố có thể gửi văn bản đến các sở- ngành và các cơ quan chuyên môn khác của thành phố đề nghị hỗ trợ ý kiến về các vấn đề thuộc chuyên môn của cơ quan đó. Các cơ quan được Hội đồng tư vấn thành phố đề nghị cho ý kiến phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Chương IV**QUY TRÌNH XÉT DUYỆT HỒ SƠ TẠI CUỘC HỌP
CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THÀNH PHỐ****Điều 10. Thành phần hồ sơ trình Hội đồng tư vấn thành phố**

Thường trực Hội đồng tư vấn thành phố có trách nhiệm rà soát, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và trình tại cuộc họp các tài liệu như sau:

1. Văn bản đề nghị đưa hồ sơ vụ việc ra Hội đồng tư vấn thành phố xét duyệt của Thường trực Hội đồng.

2. Bảng tóm tắt nội dung vụ việc

3. Toàn bộ hồ sơ, tài liệu của vụ việc

Điều 11. Quy trình xét duyệt hồ sơ

Quy trình xét duyệt hồ sơ tại cuộc họp được thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người khác có trách nhiệm trình bày nội dung từng vụ việc trước Hội đồng tư vấn thành phố;

- Bước 2: Thành viên Hội đồng hoặc cán bộ được cử tham gia có trách nhiệm xem xét và cho ý kiến từng hồ sơ, vụ việc;

- Bước 3: Thảo luận và biểu quyết thông qua từng hồ sơ, vụ việc;

- Bước 4: Thư ký đọc lại biên bản cuộc họp;

- Bước 5: Thành viên Hội đồng hoặc cán bộ được cử tham gia ký tên vào biên bản cuộc họp;

- Bước 6: Thường trực Hội đồng ký Tờ trình gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (kèm biên bản cuộc họp và hồ sơ vụ việc có liên quan).

Chương V

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tư vấn thành phố do ngân sách thành phố đảm bảo, nội dung và mức chi do Sở Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí của Hội đồng tư vấn thành phố được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội quản lý kinh phí hoạt động của Hội đồng tư vấn thành phố và có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho các thành viên Hội đồng theo nội dung, định mức quy định.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Các thành viên Hội đồng tư vấn thành phố có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Thành viên Hội đồng tư vấn thành phố, cán bộ, công chức tham gia phiên họp Hội đồng tư vấn thành phố không thực hiện trách nhiệm được giao hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, cố ý làm trái các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Nhà nước hoặc các bên có liên quan, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của các thành viên Hội đồng tư vấn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2006/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2006

CHỈ THỊ

Về Tăng cường các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Lở mồm long móng ở gia súc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Trước áp lực dịch bệnh Lở mồm long móng lây lan nhanh trên đàn trâu, bò, heo, dê ở 38 tỉnh thành trong cả nước, nguy cơ đe dọa dịch bệnh đến đàn gia súc của thành phố, nhất là đàn bò sữa và heo giống là rất cao.

Căn cứ Chỉ thị số 16/2006/CT-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về biện pháp cấp bách phòng chống dịch lở mồm long móng ở gia súc, Quyết định số 38/2006/QĐ-BNN ngày 16 tháng 5 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định phòng chống bệnh Lở mồm long mồm gia súc và công điện số 19/BNN/CD ngày 18 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng chống dịch Lở mồm long mồm gia súc, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn và các đơn vị liên quan trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc, khẩn cấp các việc sau đây:

1. Giao thêm nhiệm vụ phòng, chống dịch Lở mồm long móng cho Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động khẩn cấp phòng chống dịch cúm gia cầm (H5N1) và đại dịch cúm ở người (gọi tắt là Ban Chỉ đạo phòng chống dịch cúm gia cầm H5N1) các cấp, để thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương trong phòng, chống dịch Lở mồm long móng theo quy định tại điều 14 của Quyết định số 38/2006/QĐ-BNN ngày 16 tháng 5 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành quy định phòng chống bệnh Lở mồm long móng gia súc.

- Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện có chăn nuôi gia súc ra quyết định xử lý tiêu hủy gia súc mắc bệnh Lở mồm long móng theo khoản 4 điều 10

của Quyết định số 38/2006/QĐ-BNN ngày 16 tháng 5 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành quy định phòng chống bệnh Lở mồm long móng gia súc.

2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện :

2.1. Trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống dịch Lở mồm long móng nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời, không để xảy ra trường hợp dịch bệnh Lở mồm long móng trên địa bàn. Trường hợp dịch bệnh xảy ra trên địa bàn, khi được cơ quan chuyên môn hoặc nhân dân phát hiện, báo cáo thì Ủy ban nhân dân quận - huyện phải thực hiện theo đúng các quy định của Pháp lệnh thú y và Quyết định số 38/2006/QĐ-BNN ngày 16 tháng 5 năm 2006 về việc Ban hành quy định phòng chống bệnh Lở mồm long móng gia súc.

2.2. Chỉ đạo Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và ban ngành đoàn thể các phường - xã, phối hợp với các lực lượng liên quan, thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, tập huấn cho người chăn nuôi, kinh doanh, giết mổ gia súc trong công tác phòng chống dịch bệnh Lở mồm long móng; vận động người chăn nuôi gia súc phải tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng và cam kết thực hiện "5 không": Không giấu dịch, Không mua gia súc, sản phẩm gia súc mắc bệnh, Không bán chạy gia súc mắc bệnh, Không thả rông, không tự vận chuyển gia súc bị mắc bệnh Lở mồm long móng ra khỏi vùng dịch; Không vứt xác gia súc nghi mắc bệnh Lở mồm long móng bừa bãi.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, vận động kiểm tra, ngăn chặn và xử lý triệt để các cơ sở giết mổ gia súc trái phép trên địa bàn.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Thú y triển khai khẩn cấp các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật:

3.1. Củng cố hệ thống thông tin giám sát dịch bệnh xuyên suốt đến từng hộ, cơ sở chăn nuôi, từ ấp, khu phố, phường - xã, đến trạm thú y quận - huyện, nhằm đảm bảo thu thập thông tin kịp thời, phát hiện sớm và xử lý theo quy định khi phát hiện ổ dịch mới.

3.2. Cung ứng kịp thời vắc xin và đẩy nhanh tiến độ tiêm phòng Lở mồm long móng trên gia súc, chú ý nâng cao tỷ lệ tiêm phòng tại các vùng có nguy cơ cao như ven quốc lộ, vùng giáp ranh các tỉnh, vùng chăn nuôi tập trung, khu vực quanh lò mổ, vựa kinh doanh gia súc và tại vùng ổ dịch cũ trong thời gian sớm nhất, ưu tiên các cơ sở giống và chăn nuôi tập trung (kể cả Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn và Công ty Vissan).

3.3. Phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành tăng cường công tác kiểm tra tại các Trạm Kiểm dịch động vật đầu mối giao thông, trên các tuyến Quốc lộ, Liên tỉnh lộ, các cửa ngõ đi vào thành phố, các cơ sở giết mổ, các chợ, các cơ sở chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật, nhằm ngăn chặn, xử lý triệt để các trường hợp vận chuyển, kinh doanh gia súc, sản phẩm gia súc bệnh hoặc không có giấy chứng nhận kiểm dịch hợp lệ vào thành phố và các trường hợp vận chuyển bằng các phương tiện không chuyên dùng.

4. Giao Sở Thương mại chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục thực hiện Quyết định số 31/2005/QĐ-UB ngày 17 tháng 02 năm 2005 về ban hành Phương án quy hoạch hệ thống cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố đến năm 2010 và Quy định về hoạt động giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn thành phố.

5. Giao Chi cục Quản lý thị trường tiếp tục chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, lực lượng Công an, Chi cục Thú y tổ chức kiểm tra ngăn chặn, xử lý triệt để các trường hợp vận chuyển gia súc, sản phẩm gia súc bệnh trái phép vào thành phố.

6. Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất quỹ dự phòng cho công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố; nhanh chóng bổ sung kinh phí để mua và sử dụng vắc xin để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Lở mồm long móng cho đàn gia súc năm 2006 và hỗ trợ kinh phí cho các trường hợp xử lý gia súc bệnh Lở mồm long móng phải xử lý theo Quyết định số 738/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch Lở mồm long móng ở gia súc.

7. Giao các Tổng Công ty :

7.1. Chỉ đạo các cơ sở sản xuất giống khản trương củng cố Ban chỉ đạo phòng, chống dịch; tăng cường các biện pháp phòng chống dịch Lở mồm long móng; giám sát chặt chẽ đàn gia súc; thực hiện tiêm phòng vaccin Lở mồm long móng định kỳ kết hợp bổ sung thường xuyên theo lứa tuổi cho đàn gia súc.

7.2. Chỉ đạo các cơ sở giết mổ gia súc tăng cường kiểm tra các cơ sở giết mổ do doanh nghiệp quản lý thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch Lở mồm long móng gia súc, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện thu mua gia súc trực tiếp tại các cơ sở chăn nuôi tập trung trên địa bàn thành phố để giết mổ, nhằm bảo đảm nguồn gia súc an toàn, bình ổn thị trường và tình hình chăn nuôi trên địa bàn.

8. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch và chuẩn bị phương án xử lý, phương tiện vận chuyển, địa điểm tiêu hủy đàn gia súc và sản phẩm gia súc bệnh khi có dịch xảy ra.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các Sở - ngành, các quận - huyện và chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao, báo cáo hàng tuần cho Ủy ban nhân dân thành phố.

Để ngăn chặn, xử lý kịp thời và phòng, chống dịch bệnh Lở mồm long móng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các doanh nghiệp chăn nuôi khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thiện Nhân

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng